

## HƯỚNG DẪN ĐIỀN BIỂU MẪU 2b

### A. THÔNG TIN CHUNG

*Yêu cầu/ điều kiện thực hiện thủ tục hành chính là những đòi hỏi do cơ quan có thẩm quyền quy định tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính cần phải đạt trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện thủ tục hành chính đó. Yêu cầu/điều kiện thể hiện rõ nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân phải đáp ứng và là cơ sở để cơ quan nhà nước xem xét trước khi quyết định.*

Để được giải quyết một thủ tục hành chính tổ chức, cá nhân có thể phải đáp ứng nhiều yêu cầu/ điều kiện. Bao gồm yêu cầu/ điều kiện để bảo đảm hoạt động, sản xuất, kinh doanh (điều kiện kinh doanh) được quy định bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền và yêu cầu/ điều kiện để được giải quyết thủ tục hành chính có thể được quy định bằng văn bản hoặc không bằng văn bản.

Ví dụ về điều kiện kinh doanh: là những yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị cho sản xuất, cho bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, trình độ người quản lý, nhân lực... mà doanh nghiệp phải có để bảo đảm cho quá trình kinh doanh ngành nghề cụ thể nào đó.

Ví dụ về yêu cầu, điều kiện khác: việc đóng và xuất trình biên lai nộp đủ các loại phí do địa phương quy định mới được xác nhận là hộ nghèo để được vay vốn, nhận trợ cấp của Chính phủ.

**Các yêu cầu/ điều kiện được rà soát:** Nêu rõ các yêu cầu/ điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính đúng theo Quyết định công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp cơ quan rà soát phát hiện các yêu cầu, điều kiện còn thiếu, chưa được công bố thì vẫn ghi vào mục này, đồng thời ghi chú rõ những yêu cầu, điều kiện chưa công bố.

**Tên thủ tục hành chính có yêu cầu, điều kiện được rà soát:** Là tên thủ tục hành chính có các yêu cầu, điều kiện được rà soát bằng biểu mẫu 2b này.

**Số hồ sơ thủ tục hành chính có yêu cầu, điều kiện được rà soát:** Là số hồ sơ trong phần mềm dữ liệu của thủ tục hành chính nói trên. Phần này do TCT của các bộ, địa phương điền. Người điền truy cập vào trang tin điện tử của Tổ công tác chuyên trách theo địa chỉ: <http://thutuchanhchinh.vn>, vào mục Đơn giản hóa TTHC, sử dụng công cụ tìm kiếm để có được số hồ sơ của thủ tục hành chính có yêu cầu/ điều kiện đang được rà soát để điền vào biểu mẫu 2b hoặc lấy số hồ sơ từ biểu mẫu 2 tương ứng để điền.

**Lĩnh vực rà soát:** Ghi đúng theo lĩnh vực của thủ tục hành chính chứa đựng các yêu cầu/ điều kiện đang được rà soát.

**Tên Cơ quan rà soát:** Ghi tên cơ quan thực hiện việc điền biểu mẫu 2b.

**Lưu ý để phân biệt việc rà soát Biểu mẫu 2 với Biểu mẫu 2b:**

Biểu mẫu 2 là rà soát toàn bộ nội dung của thủ tục hành chính đã được thống kê, không phân biệt thủ tục hành chính có quy định yêu cầu điều kiện hay không? Biểu mẫu 2b chỉ tập trung rà soát các yêu cầu/ điều kiện gắn với thủ tục hành chính. Trường hợp một thủ tục hành chính có quy định nhiều yêu cầu/điều kiện thì tiến hành rà soát tất cả các nội dung đó theo các nhóm tiêu chí: sự cần thiết, tính hợp lý và tính hợp pháp của các yêu cầu/ điều kiện đó nhằm đưa ra các kết luận tương ứng với 3 tiêu chí lớn cũng như kết luận cuối cùng.

## **B. TRẢ LỜI CÂU HỎI**

### **Phần I. Về sự cần thiết của yêu cầu, điều kiện**

#### **Câu 1. Yêu cầu, điều kiện này được đặt ra nhằm đạt được mục tiêu gì?**

Mọi yêu cầu hoặc điều kiện khi ban hành đều phục vụ một hoặc nhiều mục tiêu chính sách, quản lý của nhà nước. Để trả lời câu hỏi này người điền nêu ra quan điểm của mình về mục tiêu của yêu cầu/ điều kiện thực hiện thủ tục hành chính được rà soát, nêu rõ mục tiêu đặt ra nhằm bảo vệ cái gì (sức khỏe, môi trường, an ninh, v.v...), bảo vệ lợi ích của ai.

#### **Câu 2. Yêu cầu, điều kiện khi được thực hiện có đáp ứng được mục tiêu đặt ra hay không?**

Căn cứ vào mục tiêu chính sách và quản lý của thủ tục hành chính, người rà soát quyết định lựa chọn xem các yêu cầu/ điều kiện đặt ra có thực sự đáp ứng mục tiêu đặt ra hay không? Thông thường yêu cầu/ điều kiện được cơ quan có thẩm quyền đặt ra nhằm định hướng các hoạt động sản xuất, đời sống xã hội theo đúng chính sách nhà nước, phục vụ lợi ích chung của cộng đồng xã hội. Thực tế nhiều yêu cầu/ điều kiện được đặt ra đã góp phần điều chỉnh các hoạt động sản xuất, đời sống xã hội phát triển theo đúng định hướng. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những trường hợp yêu cầu/ điều kiện đặt ra mang lại kết quả không mong muốn hoặc yêu cầu/ điều kiện chỉ phù hợp trong một giai đoạn nhất định nay đã trở thành lạc hậu, lỗi thời, gây khó khăn, cản trở cho hoạt động sản xuất, đời sống xã hội của cá nhân, tổ chức và cộng đồng.

Nếu toàn bộ các yêu cầu, điều kiện khi được thực hiện đều đáp ứng được mục tiêu đặt ra thì đánh dấu vào câu a) và nêu rõ lý do các yêu cầu, điều kiện đó đáp ứng được mục tiêu gì.

Trường hợp một số các yêu cầu/điều kiện khi được thực hiện không đáp ứng mục tiêu đặt ra thì đánh dấu vào câu b) và nêu rõ lý do các yêu cầu, điều kiện đó đáp ứng được mục tiêu gì.

Trường hợp toàn bộ các yêu cầu/ điều kiện khi được thực hiện không đáp ứng mục tiêu đặt ra thì đánh dấu vào câu c).

**Câu 3. Yêu cầu, điều kiện có gây trở ngại cho hoạt động kinh tế do chứa đựng một trong số những hạn chế sau đây hay không?**

Những yêu cầu/ điều kiện gây trở ngại cho hoạt động kinh tế là những yêu cầu/ điều kiện chứa đựng những hạn chế gây tác động lớn tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (gây đình trệ, không thể hoạt động bình thường), không tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi tạo sự phát triển bản thân doanh nghiệp, quốc gia. Câu hỏi đã đưa ra sẵn 5 loại hạn chế (từ mục a đến e).

Nếu yêu cầu/ điều kiện chứa đựng hạn chế gây trở ngại cho hoạt động kinh tế, thì lựa chọn loại hạn chế phù hợp để đánh dấu vào ô tương ứng (có thể lựa chọn một hoặc nhiều loại hạn chế). Trường hợp hạn chế trong yêu cầu/ điều kiện không thuộc 5 loại đã nêu sẵn, thì ghi rõ tên loại hạn chế vào ô tương ứng câu trả lời g) và ghi cụ thể hạn chế đó là gì?

Nếu trả lời bất kỳ câu nào (từ a đến g) đề nghị giải thích rõ tại sao yêu cầu/ điều kiện vẫn cần thiết và ghi tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm, cơ quan ban hành và gửi kèm văn bản quy định hạn chế đó.

Nếu không gây trở ngại, đánh dấu vào ô trả lời h).

Ví dụ: Thông tư số 12/2009/TT-BXD của Bộ xây dựng quy định cá nhân là công chức đang làm công việc quản lý hành chính nhà nước không được cấp chứng chỉ hành nghề xây dựng. Đây là một hạn chế đối với đối tượng là công chức, tuy nhiên lại là một hạn chế cần thiết nhằm tránh xung đột về lợi ích.

**Câu 4. Có biện pháp khác để thay thế yêu cầu/ điều kiện này mà vẫn đảm bảo mục tiêu đặt ra hay không?**

Câu hỏi này nhằm khuyến khích đưa ra sáng kiến thay thế yêu cầu hoặc điều kiện bằng các biện pháp khác mà vẫn đảm bảo mục tiêu quản lý, đáp ứng được sự thay đổi của điều kiện kinh tế - xã hội.

Trường hợp có biện pháp khác thay thế, đánh dấu vào ô tương ứng câu a) và nêu rõ biện pháp thay thế đó.

Nếu không có biện pháp thay thế, đánh dấu vào ô tương ứng câu b).

Ví dụ: một số điều kiện kinh doanh taxi đối với lái xe taxi quy định trong điều 14, Quyết định 17/2007/QĐ-BGTVT có các nội dung như: có hợp đồng lao động bằng văn bản với doanh nghiệp; nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật về giao thông đường bộ và các quy định trong văn bản này; bật đồng hồ tính tiền trước khi xe taxi lăn bánh nếu trên xe có khách, phải bật đèn báo hiệu chờ khách khi xe không có khách; có trách nhiệm hướng dẫn cho khách đi xe và trợ giúp đối với hành khách là người tàn tật, người già, trẻ em và phụ nữ có thai; có thái độ ứng xử hoà nhã, lịch sự đối với hành khách đi xe. Các nội dung này giống như một bộ quy tắc ứng xử hơn là các điều kiện cần và đủ để kinh doanh một ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Trong trường hợp này, nên đưa vào quy chế hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh taxi hoặc các hiệp hội ngành nghề có liên quan, chứ không nhất thiết phải thể chế hóa bằng văn bản quy phạm pháp luật.

**Câu 5. Với câu trả lời đối với các câu hỏi từ câu 1-4 trên đây thì yêu cầu, điều kiện này có cần thiết hay không?**

Câu hỏi này mang tính đánh giá tổng thể cho phần I. Để trả lời câu hỏi này người rà soát cần căn cứ vào các câu trả lời của mình cho các câu hỏi từ 1 - 4 và đưa ra nhận định xem các yêu cầu/ điều kiện này có cần thiết hay không? Yêu cầu, điều kiện chỉ thực sự cần thiết nếu đáp ứng được các mục tiêu đặt ra và không có biện pháp thay thế.

Nếu tất cả các nội dung yêu cầu/ điều kiện đều cần thiết thì đánh dấu vào câu a).

Nếu một phần các nội dung yêu cầu/ điều kiện là cần thiết thì đánh dấu vào câu b).

Nếu toàn bộ các nội dung yêu cầu/ điều kiện đều không cần thiết thì đánh dấu vào câu c) và kết thúc việc rà soát.

Nếu chọn câu a) và b), tiếp tục trả lời các câu hỏi trong phần II (tính hợp lý) và phần III (tính hợp pháp) đối với các yêu cầu/ điều kiện được cho là cần thiết.

Nếu chọn câu b) liệt kê rõ các yêu cầu, điều kiện không cần thiết.

## **Phần II. Về tính hợp lý của yêu cầu/ điều kiện**

**Câu 6. Các nội dung yêu cầu, điều kiện này có mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thống nhất với các yêu cầu, điều kiện khác có liên quan không?**

Các yêu cầu/ điều kiện khác đề cập đến tại câu này là những yêu cầu/ điều kiện được quy định tại các văn bản cùng cấp hoặc thấp hơn.

Mâu thuẫn, thiếu thống nhất có nghĩa là nội dung của yêu cầu, điều kiện với nội dung của các quy định pháp luật khác trái ngược nhau, phủ định lẫn nhau, không tương thích lẫn nhau. Ví dụ: quy định trước đây về việc phải có giấy tờ sở hữu nhà ở hợp pháp mới được nhập hộ khẩu vào Hà Nội và quy định về việc phải có hộ khẩu Hà Nội mới được sở hữu nhà ở tại Hà Nội là mâu thuẫn với nhau.

Chồng chéo có nghĩa là yêu cầu, điều kiện này có một phần hoặc toàn bộ nội dung trùng lặp với yêu cầu, điều kiện khác. Ví dụ: Điều kiện phải có Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện trong mạng dùng riêng quy định tại Nghị định 24/2004/NĐ-CP (ví dụ, cấp cho bộ đàm gắn trên xe taxi) có nội dung trùng lặp với điều kiện về Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng (trường hợp cấp cho doanh nghiệp kinh doanh taxi). Lý do: khi cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng đã nêu rõ trong mạng sử dụng bao nhiêu thiết bị phát sóng, model nào, thuộc hãng nào, tần số sử dụng bao nhiêu.

Nếu toàn bộ nội dung yêu cầu/ điều kiện mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thống nhất với các yêu cầu/ điều kiện khác có liên quan thì đánh dấu vào câu a).

Nếu một số nội dung yêu cầu/ điều kiện mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thống nhất với các yêu cầu/ điều kiện khác có liên quan thì đánh dấu vào câu b);

Nếu chọn câu a) hoặc b), nêu rõ yêu cầu/ điều kiện đó mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thống nhất với yêu cầu, điều kiện nào kèm theo văn bản quy định yêu cầu/ điều kiện đó (nêu rõ tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm, cơ quan ban hành văn bản); đồng thời đề xuất phương án xử lý.

Nếu yêu cầu/ điều kiện này không mâu thuẫn, thống nhất với các yêu cầu/ điều kiện khác, thì đánh dấu vào câu c).

**Câu 7. Nội dung yêu cầu, điều kiện này có đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện đối với cá nhân, tổ chức và công chức thực thi không?**

Câu hỏi này yêu cầu người rà soát xác minh xem nội dung yêu cầu/ điều kiện này phức tạp hay đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện đối với cá nhân, tổ chức và công chức thực thi khi thực hiện. Đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện có nghĩa là các nội dung của yêu cầu/ điều kiện được thể hiện sao cho chỉ mang một nghĩa đơn nhất, không mang nhiều nghĩa, gây nhầm lẫn trong cách hiểu, không thể giải thích theo nhiều cách khác nhau; các nội dung được quy định sao cho dễ áp dụng, nhanh chóng về mặt thời gian, tiết kiệm về chi phí nhân lực, vật lực.

Ví dụ: Điều kiện hoạt động giới thiệu việc làm quy định doanh nghiệp làm dịch vụ giới thiệu việc làm: có địa điểm và trụ sở ổn định; đặt ở nơi thuận tiện và đủ diện tích cho việc giao dịch và hoạt động của doanh nghiệp; các từ ngữ như

Ổn định? Thuận tiện? Đủ diện tích? có thể giải thích, hiểu theo nhiều cách khác nhau, gây khó khăn trong việc thực hiện.

Nếu toàn bộ các yêu cầu/ điều kiện này đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, thì đánh dấu vào câu a).

Nếu một hoặc một số yêu cầu/điều kiện này không đơn giản, khó hiểu, khó thực hiện, thì đánh dấu vào câu b) và nêu rõ phương án giải quyết để yêu cầu/ điều kiện đó đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

Nếu toàn bộ các yêu cầu/ điều kiện này không đơn giản, khó hiểu, khó thực hiện, thì đánh dấu vào câu c) và nêu rõ phương án giải quyết để yêu cầu/ điều kiện đó đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

**Câu 8. Yêu cầu, điều kiện này được áp dụng trên phạm vi toàn quốc hay trên địa bàn địa phương?**

Nếu yêu cầu, điều kiện được áp dụng giống nhau trên phạm vi toàn quốc thì đánh dấu vào ô Toàn quốc

Nếu yêu cầu, điều kiện chỉ được áp dụng đối với một số địa phương hoặc được áp dụng khác nhau giữa những địa phương khác nhau trên lãnh thổ Việt Nam thì chọn ô Địa phương và nêu rõ lý do.

**Câu 9. Yêu cầu, điều kiện này khi áp dụng có tạo ra sự phân biệt giữa cá nhân, doanh nghiệp nước ngoài với cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam hay không?**

Trả lời câu hỏi này nhằm làm rõ yêu cầu/ điều kiện đó có đáp ứng các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, đặc biệt là sau khi gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) hay không? Một trong những yêu cầu đó là không có sự phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp, sản phẩm và dịch vụ nước ngoài với doanh nghiệp, sản phẩm và dịch vụ trong nước.

Nếu yêu cầu/ điều kiện khi áp dụng có tạo ra sự phân biệt, thì đánh dấu vào câu trả lời CÓ và tiếp tục trả lời câu hỏi b).

Để trả lời câu hỏi b), cần xác định rõ nội dung mang tính phân biệt trong yêu cầu/ điều kiện có thuộc diện miễn trừ theo các điều ước quốc tế nào mà Việt Nam tham gia hay không?

Nếu thuộc vào diện miễn trừ thì đánh dấu vào câu trả lời CÓ và trả lời câu c (nêu rõ nội dung miễn trừ).

Nếu không thuộc diện miễn trừ thì trả lời câu d (nêu rõ tại sao yêu cầu/ điều kiện này vẫn phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia).

**Câu 10. Có phản ánh, kiến nghị gì ngoài những nội dung nêu trên hay không?**

Nếu có ý kiến phản ánh, kiến nghị khác ngoài các nội dung đã nêu từ câu 6 đến câu 9 thì đánh dấu vào ô CÓ và ghi rõ nội dung phản ánh, kiến nghị.

Khuyến khích cá nhân, tổ chức đưa ra các bằng chứng về chi phí thời gian và chi phí bằng tiền phải bỏ ra để tuân thủ các yêu cầu, điều kiện này.

**Câu 11. Với câu trả lời đối với các câu hỏi từ câu 6-10 trên đây thì yêu cầu, điều kiện này có hợp lý với hoạt động của tổ chức, cá nhân không?**

Câu hỏi này mang tính bao quát cho phần II. Để trả lời câu hỏi này người rà soát căn cứ vào các câu trả lời cho các câu hỏi từ 6 - 10 và đưa ra nhận định yêu cầu/ điều kiện này có hợp lý đối với hoạt động của tổ chức, cá nhân hay không.

Nếu cho rằng toàn bộ các yêu cầu/ điều kiện hợp lý đối với hoạt động của tổ chức, cá nhân thì đánh dấu vào câu a).

Nếu cho rằng một số các yêu cầu/ điều kiện không hợp lý đối với hoạt động của tổ chức, cá nhân, thì đánh dấu vào câu b).

Nếu cho rằng toàn bộ các yêu cầu/ điều kiện không hợp lý đối với hoạt động của tổ chức, cá nhân, thì đánh dấu vào câu c).

**Phần III. Về tính hợp pháp của yêu cầu, điều kiện**

**Câu 12. Yêu cầu, điều kiện này có được ban hành đúng thẩm quyền hay không?**

Để trả lời câu hỏi này trước hết cần phải xác định được thế nào là yêu cầu/ điều kiện được ban hành đúng thẩm quyền. Yêu cầu/ điều kiện được quy định đúng phạm vi chuyên môn và thẩm quyền pháp lý của cá nhân hoặc tổ chức có nghĩa là các văn bản quy định yêu cầu/ điều kiện phải được điều chỉnh trong phạm vi, quyền hạn về tổ chức, phạm vi quản lý, thẩm quyền ban hành văn bản thì được gọi là yêu cầu/điều kiện được ban hành đúng thẩm quyền.

Ví dụ: khoản 5, Điều 7, Luật Đầu tư quy định “Bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp không được quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh.” Như vậy, bất kỳ ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh nào do Bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp quy định hoặc ban hành đều là ban hành sai thẩm quyền.

Nếu toàn bộ các yêu cầu/ điều kiện được quy định để giải quyết thủ tục hành chính đúng thẩm quyền, thì đánh dấu vào câu a).

Nếu có một hoặc một số yêu cầu/ điều kiện được quy định để giải quyết thủ tục hành chính ban hành đúng thẩm quyền, còn lại là không đúng thẩm quyền thì đánh dấu vào câu b).

Nếu toàn bộ nội dung yêu cầu/điều kiện được quy định để giải quyết thủ tục hành chính không đúng thẩm quyền, thì đánh dấu vào câu c).

Trường hợp câu trả lời là b) hoặc c), đề nghị ghi rõ điều khoản, tên, số ký hiệu ngày tháng năm, cơ quan ban hành văn bản quy định yêu cầu/ điều kiện và tên yêu cầu, điều kiện tương ứng.

**Câu 13. Yêu cầu, điều kiện này có được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) không?**

Hiện nay, yêu cầu, điều kiện được quy định trong nhiều loại văn bản khác nhau, từ văn bản cá biệt, công văn hành chính cho tới văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chỉ văn bản quy phạm pháp luật mới có tính bắt buộc chung do đó nếu yêu cầu, điều kiện không được quy định bởi văn bản quy phạm pháp luật thì yêu cầu, điều kiện đó không hợp pháp.

Câu hỏi này yêu cầu cá nhân, tổ chức rà soát xác định rõ trên thực tế yêu cầu, điều kiện có được quy định bằng văn bản quy phạm pháp luật hay không.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được quy định theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2003. Những văn bản quy phạm pháp luật bao gồm nghị quyết của Chính phủ; chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; quyết định, chỉ thị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; văn bản liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội được ban hành trước khi Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2003 có hiệu lực thì vẫn được coi là văn bản quy phạm pháp luật cho đến khi bị bãi bỏ, hủy bỏ hoặc được thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác.

Nếu yêu cầu, điều kiện được quy định tại một trong các loại văn bản quy phạm pháp luật trên thì đánh dấu vào câu a).

Nếu chỉ có một hoặc một số nội dung yêu cầu, điều kiện được quy định theo tại văn bản quy phạm pháp luật, thì đánh dấu vào câu b).

Nếu toàn bộ nội dung yêu cầu, điều kiện được ban hành không được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật, thì đánh dấu vào câu c).

Trường hợp câu trả lời là câu b) hoặc c), đề nghị ghi rõ tên, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản quy định yêu cầu, điều kiện và tên yêu cầu, điều kiện tương ứng.

**Câu 14. Nội dung của yêu cầu, điều kiện này có trái với các văn bản cấp trên hay không?**

Yêu cầu, điều kiện trái với các quy định của văn bản cấp trên có nghĩa là nội dung các yêu cầu, điều kiện được quy định không đúng tinh thần của văn bản pháp lý cấp cao hơn; bổ sung thêm số lượng các yêu cầu, điều kiện hoặc bổ sung thêm nội dung các yêu cầu, điều kiện theo hướng khắt khe hơn, hạn chế hơn so với quy định tại văn bản pháp lý cấp cao hơn.

Ví dụ: thông tư 01/2005/TT-BBCVT quy định hợp đồng đại lý dịch vụ phát chuyển thư cho tổ chức nước ngoài có hiệu lực sau khi có xác nhận của Bộ Bưu chính viễn thông về việc đăng ký đại lý. Thực tế, về vấn đề này Pháp lệnh Bưu chính viễn thông chỉ quy định hợp đồng đại lý phải lập thành văn bản; sau đó Nghị định 157/2004/NĐ-CP hướng dẫn quy định phải đăng ký hợp đồng. Như vậy, việc thông tư 01/2005/TT-BBCVT hướng dẫn việc đăng ký thành việc “nộp hồ sơ, thẩm tra hồ sơ và cấp giấy xác nhận đăng ký hợp đồng” là không đúng với tinh thần của Pháp lệnh Bưu chính viễn thông.

Nếu toàn bộ nội dung yêu cầu, điều kiện trái với quy định của văn bản cấp trên thì đánh dấu vào câu a).

Nếu một số yêu cầu, điều kiện trái với quy định của văn bản cấp trên thì đánh dấu vào câu b).

Đối với câu trả lời a) và b), ghi rõ tên, ngày tháng năm ban hành, điều khoản của văn bản cấp trên đó và nội dung yêu cầu, điều kiện tương ứng.

Nếu không, đánh dấu vào câu c).

**Câu 15. Văn bản quy định về yêu cầu, điều kiện này có còn hiệu lực hay không?**

Trên thực tế, do nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan đã xảy ra một số trường hợp yêu cầu/ điều kiện vẫn tiếp tục được sử dụng cho dù theo quy định của pháp luật chúng đã hết hiệu lực. Do đó, để đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa cần chấm dứt tình trạng này.

Một yêu cầu hoặc điều kiện không còn hiệu lực khi: (1) văn bản quy định yêu cầu/ điều kiện đó đã hết hiệu lực hoặc bị bãi bỏ; (2) nội dung của văn bản quy định yêu cầu/ điều kiện đã hết hiệu lực hoặc bị bãi bỏ.

Nếu văn bản quy định tất cả các yêu cầu/ điều kiện còn hiệu lực thì đánh dấu vào câu a) và ghi rõ tên, số ký hiệu, ngày tháng năm, cơ quan ban hành của văn bản đó.

Nếu văn bản quy định về một hoặc một số yêu cầu/ điều kiện hết hiệu lực thì đánh dấu vào câu b) và nêu rõ lý do vì sao vẫn còn áp dụng?

Nếu văn bản quy định về tất cả các yêu cầu/ điều kiện hết hiệu lực thì đánh dấu vào câu c) và nêu rõ lý do vì sao vẫn còn áp dụng?

Nếu không xác định được hiệu lực của văn bản quy định về yêu cầu, điều kiện thì đánh dấu vào câu d), đồng thời nêu rõ tên yêu cầu/ điều kiện tương ứng và lý do không xác định được hiệu lực của văn bản quy định.

**Câu 16. Yêu cầu, điều kiện này có hạn chế các quyền hợp pháp của công dân không?**

Quyền hợp pháp của công dân quy định tại Điều 50, Hiến pháp năm 1992, đó là các quyền về: “chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân” và được cụ thể hoá tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của nước CHXHCN Việt Nam.

Ví dụ: Thông tư 69/2006/TT-BVHTT quy định cơ sở lưu trú du lịch được công nhận cấp hạng sao hoặc hạng cao cấp kinh doanh vũ trường, karaoke không phải xin Giấy phép kinh doanh theo quy định tại khoản 3, điều 66, Luật Du lịch. Thực tế, nhiều khách sạn khi bị cơ quan chức năng kiểm tra vẫn yêu cầu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phải ghi nội dung này.

Nếu toàn bộ các yêu cầu/ điều kiện vi phạm, hạn chế một hay nhiều quyền của công dân thì đánh dấu vào câu a) và nêu vi phạm quyền nào và dẫn ra điều khoản, tên, số ký hiệu, ngày tháng năm, cơ quan ban hành văn bản bị vi phạm.

Nếu một hoặc một số các yêu cầu/ điều kiện vi phạm, hạn chế một hay nhiều quyền của công dân thì đánh dấu vào câu b) và nêu vi phạm quyền nào và dẫn ra điều khoản, tên, số ký hiệu, ngày tháng năm, cơ quan ban hành văn bản bị vi phạm.

Nếu yêu cầu/ điều kiện không vi phạm, hạn chế một hay nhiều quyền của công dân đã được quy định trong Hiến pháp, pháp luật, thì đánh dấu vào câu c).

**Câu 17. Với câu trả lời đối với các câu hỏi từ câu 12-16 trên đây thì nội dung các yêu cầu, điều kiện này có hợp pháp hay không?**

Câu hỏi này mang tính đánh giá tổng thể cho phần III. Để trả lời câu hỏi này cơ quan hoặc cán bộ rà soát cần căn cứ vào các câu trả lời của mình cho các

câu từ 12 – 16 và đưa ra nhận định yêu cầu/ điều kiện này có hợp pháp hay không.

Nếu cho rằng tất cả các nội dung yêu cầu/ điều kiện “CÓ” hợp pháp thì đánh dấu vào câu a).

Nếu cho rằng một số nội dung yêu cầu/ điều kiện “CÓ” hợp pháp và số khác “KHÔNG” hợp pháp thì đánh dấu vào câu b) và nêu rõ tên, nội dung yêu cầu/ điều kiện không hợp pháp đó.

Nếu cho rằng tất cả các nội dung yêu cầu/ điều kiện “KHÔNG” hợp pháp thì đánh dấu vào câu c).

#### **Phần IV. Ý kiến đề xuất**

**Câu 18. Đề xuất, khuyến nghị về các yêu cầu/ điều kiện này (chỉ đánh dấu vào một trong 3 khuyến nghị dưới đây)**

Câu hỏi này là câu hỏi mang tính kết luận cuối cùng sau khi đã trả lời toàn bộ các câu hỏi cụ thể nêu trên, đặc biệt là các câu mang tính đánh giá tổng thể của từng phần (các câu 5, 11, 17). Để trả lời câu hỏi này đòi hỏi cơ quan, người rà soát chỉ căn cứ trên kết quả trả lời các câu hỏi từ 1 đến 17 nói trên của mình, ngoài ra không căn cứ vào bất kỳ cơ sở nào khác, để đưa ra câu trả lời. Có 03 phương án khuyến nghị đề xuất được đưa ra để lựa chọn một, bao gồm:

- Đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí trong Biểu mẫu rà soát này và cần được duy trì. Nếu chọn phương án này thì không phải giải thích gì thêm.

- Sẽ đáp ứng được các tiêu chí nếu được sửa đổi. Trường hợp này cần nêu cụ thể nội dung sửa đổi.

- Không đáp ứng được các tiêu chí và cần bị hủy bỏ. Trường hợp này nêu rõ nội dung hủy bỏ và phương án thay thế (nếu có).

#### **Câu 19. Thông tin liên hệ**

Đề nghị ghi rõ họ tên, địa chỉ, điện thoại và email (nếu có) của người có thể liên hệ để làm rõ về nội dung các câu trả lời trong biểu mẫu này./.